

TỪ VÀ CẤU TẠO CỦA TỪ TIẾNG VIỆT

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS hiểu được thế nào là từ và đặc điểm cấu tạo từ tiếng Việt, cụ thể là :

- Khái niệm về từ ;
- Đơn vị cấu tạo từ (tiếng) ;
- Các kiểu cấu tạo từ (từ đơn / từ phức ; từ ghép/ từ láy).

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Trong SGK, khái niệm về từ tiếng Việt được nêu một cách ngắn gọn, dễ hiểu với HS : Từ là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất dùng để đặt câu.

Định nghĩa trên nêu lên hai đặc điểm của từ :

- Đặc điểm về chức năng : Từ là đơn vị dùng để đặt câu. Nhờ đặc điểm này, ta phân biệt được từ với đơn vị bậc dưới nó là tiếng. Tiếng chỉ có chức năng cấu tạo từ. Những tiếng có thể dùng độc lập để đặt câu được gọi là từ đơn.

- Đặc điểm về cấu trúc : Trong số các đơn vị dùng để đặt câu, từ là đơn vị nhỏ nhất. Nhờ đặc điểm này, ta phân biệt được từ với đơn vị bậc trên nó là cụm từ. Cụm từ cũng được dùng để đặt câu nhưng còn có thể chia nhỏ ra thành các từ – là những đơn vị nhỏ nhất dùng để đặt câu.

2. Bên cạnh việc cung cấp khái niệm về từ, tiết học này còn giúp HS nắm được cách cấu tạo từ tiếng Việt, cụ thể là giúp các em hiểu : *tiếng* là đơn vị cấu tạo nên từ; phân loại từ thành từ đơn và từ phức là sự phân loại dựa vào số lượng tiếng trong từ. Ở đây, GV chưa cần đi sâu vào phân tích quan hệ ngữ pháp, quan hệ ngữ nghĩa, ... giữa các tiếng trong từ ghép, từ láy, vì những nội dung này sẽ được giới thiệu trong Chương trình Ngữ văn lớp 7.

3. Việc phân loại từ theo cấu tạo ngữ pháp hiện đang còn những giải pháp khác nhau.

Có tác giả dựa vào số lượng hình vị (đơn vị nhỏ nhất có nghĩa) trong từ, chia các từ thành :

- Từ đơn :
 - + Từ đơn đơn âm tiết (một tiếng) ;
 - + Từ đơn đa âm tiết (nhiều tiếng).

- Từ phức :
- + Từ ghép ;
- + Từ láy.

Lại có tác giả dựa vào số lượng tiếng trong từ, chia các từ thành :

- Từ đơn ;
- Từ phức :
- + Từ ghép ;
- + Từ láy.

Mỗi giải pháp nói trên đều có những điểm hợp lí của mình. Tuy nhiên, để vừa đảm bảo cơ sở khoa học của vấn đề trình bày, vừa chú ý đến tính sư phạm và sự kế thừa nội dung kiến thức trong SGK cũ, SGK Ngữ văn 6 chọn giải pháp : chia từ tiếng Việt thành *từ đơn* và *từ phức*, dựa vào số lượng tiếng có trong từ.

4. Theo cách phân loại trình bày trong SGK Ngữ văn 6 thì những từ trong đó các tiếng không có quan hệ ngữ nghĩa mà cũng không có quan hệ láy âm với nhau như *mặc cả, bỏ hòn, dā tràng, ...* sẽ được coi là ngoại lệ. Số lượng từ như vậy trong tiếng Việt không nhiều.

5. Ranh giới giữa *từ ghép* và *cụm từ* trong tiếng Việt có những trường hợp khó phân định. Để nhận biết một tổ hợp nào đó là từ ghép hay cụm từ, ta có thể dựa vào các dấu hiệu sau :

- *Nghĩa* của tổ hợp ấy có tính thành ngữ không, nếu có thì đó là từ ghép.
- *Cấu tạo* của tổ hợp ấy có chặt chẽ không, nếu chặt thì đó là từ ghép.

Ví dụ, nghĩa của tổ hợp *hoa hồng* không đơn thuần là do nghĩa của *hoa* và *hồng* cộng lại (không phải là *hoa màu hồng*) mà có tính thành ngữ. Trong cấu tạo của tổ hợp *hoa hồng* này, ta cũng không thể chen thêm một tiếng nào vào giữa (chẳng hạn, thành *hoa màu hồng*). Do đó, *hoa hồng* là từ ghép.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Lập danh sách từ và tiếng trong câu.

- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu nêu trong câu hỏi 1 của phần I – *Từ là gì?* SGK đã giúp các em nhận ra các từ nhờ những dấu gạch chéo. Vì vậy, nhiệm vụ

chính của GV là hướng dẫn các em tách các tiếng có trong từ. Có một số đơn vị vừa là từ, vừa là tiếng, nằm trong cả hai danh sách.

Ở bậc Tiểu học, HS đã được học qua về những nội dung này nên việc thực hiện các yêu cầu nêu ra trong câu hỏi không khó. Tuy nhiên, GV có thể lần lượt nêu từng yêu cầu : tách từ rồi sau đó tách tiếng.

Hoạt động 2. Phân tích đặc điểm của từ.

GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi 2 của phần I.

Sau khi các em lập được danh sách các từ và tiếng theo yêu cầu của câu hỏi 1, GV giúp các em tìm hiểu đặc điểm của từ (trong sự đối chiếu với tiếng). Cần nhấn mạnh vào các ý :

- Tiếng dùng để tạo từ.
- Từ dùng để tạo câu.
- Khi một tiếng có thể dùng để tạo câu, tiếng ấy trở thành từ.

Từ các ý trên, GV giúp HS rút ra định nghĩa về từ.

Hoạt động 3. Phân loại các từ.

Theo yêu cầu của các câu hỏi đặt ra trong phần II – *Từ đơn và từ phức*, GV yêu cầu HS tìm từ một tiếng và hai tiếng có trong câu : *Từ đấy, nước ta chăm nghề trồng trọt, chăn nuôi và có tục ngày Tết làm bánh chưng, bánh giầy.* Sau khi tìm được, GV cho HS ghi đúng các từ một tiếng và hai tiếng vào các cột theo bảng mẫu trong SGK :

- Cột từ đơn : *từ, đấy, nước, ta, chăm, nghề, và, có, tục, ngày, Tết, làm ;*
- Cột từ láy : *trồng trọt ;*
- Cột từ ghép : *chăn nuôi, bánh chưng, bánh giầy.*

Hoạt động 4. Phân tích đặc điểm của từ và xác định đơn vị cấu tạo từ.

Dựa vào bảng HS đã lập, GV giúp HS lần lượt tìm hiểu các nội dung :

- Phân biệt từ đơn và từ phức ;
- Phân biệt từ ghép và từ láy ;
- Xác định đơn vị cấu tạo từ của tiếng Việt là *tiếng.*

Hoạt động 5. Hệ thống hoá kiến thức.

GV chốt lại những kiến thức của tiết học bằng những nội dung như đã nêu trong khung *Ghi nhớ* cuối mỗi phần.

Hoạt động 6. GV hướng dẫn HS luyện tập.

Phân bài tập, GV có thể sử dụng ngay những bài đã có trong SGK. Việc luyện tập này có thể thực hiện đan xen ngay sau mỗi mục lớn của bài giảng.

IV – GỢI Ý GIẢI MỘT SỐ BÀI TẬP

Bài tập 1

- Các từ *nguồn gốc*, *con cháu* thuộc kiểu từ ghép.
- Từ đồng nghĩa với *nguồn gốc* : *cội nguồn*, *gốc gác*, ...
- Từ ghép chỉ quan hệ thân thuộc : *cậu mợ*, *cô dì*, *chú cháu*, *anh em*, ...

Bài tập 2

Khả năng sắp xếp :

– Theo giới tính (nam trước nữ sau) : *ông bà*, *cha mẹ*, *anh chị*, *cậu mợ*, ... Có một số ngoại lệ : *mẹ cha*, *cô chú*.

– Theo bậc (trên trước dưới sau) : *bác cháu*, *chị em*, *dì cháu*, ... Ngoại lệ : *cô bác*, *chú bác*.

Lưu ý : Ngoài một vài ngoại lệ nói trên, còn một số trường hợp không theo các quy tắc đã nêu, ví dụ : *dì dượng*, *cha ông*, *cụ kị*. Đây là những trường hợp sắp xếp các tiếng theo một quy tắc khác : tiếng chỉ người có quan hệ gần đứng trước, tiếng chỉ người có quan hệ xa đứng sau. Vì nhiều lí do, SGK không nêu quy tắc này, nhưng nếu HS thắc mắc, GV có thể giải thích.

Bài tập 3

- Cách chế biến : *bánh rán*, *bánh nướng*, *bánh hấp*, *bánh nhúng*, *bánh tráng*, ...
- Chất liệu làm bánh : *bánh nếp*, *bánh tẻ*, *bánh khoai*, *bánh ngô*, *bánh sắn*, *bánh đậu xanh*, ...
- Tính chất của bánh : *bánh dẻo*, *bánh xốp*, ...
- Hình dáng của bánh : *bánh gối*, *bánh quăn thừng*, *bánh tai voi*, ...

Bài tập 4

- Miêu tả tiếng khóc của người.
- Những từ láy cũng có tác dụng miêu tả đó : *nức nở*, *sụt sùi*, *rưng rức*, ...

Bài tập 5

Các từ láy :

- Tả tiếng cười : *khúc khích*, *sảng sặc*, *hồ hớ*, *ha há*, *hềnh hềch*, ...
- Tả tiếng nói : *khàn khàn*, *lè nhè*, *thở thở*, *léo nhéo*, *lầu bầu*, ...
- Tả dáng điệu : *lừ đừ*, *lả lướt*, *ngênh ngang*, *ngông nghênh*, ...

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

"Trong tiếng Việt, có một loại đơn vị xưa nay ta thường quen gọi là "tiếng", "tiếng một" hay là "chữ", ví dụ : *ăn, học, nhà, cửa, cao, rộng, và, nhưng, đã, sẽ, trí, thức, thiên, địa, tiểu, vô, bất, ...* Gọi loại đơn vị này là "tiếng", "tiếng một" tức là căn cứ vào ngữ âm ; gọi là "chữ" tức là căn cứ vào văn tự. Trong tiếng Việt, mỗi tiếng bao giờ cũng phát ra một hơi, nghe thành một tiếng, và có mang một thanh điệu nhất định. Trong chữ viết, từ chữ Nôm trước kia cho đến chữ quốc ngữ hiện nay, mỗi tiếng bao giờ cũng viết rời ra thành một chữ."

(Nguyễn Tài Cẩn, *Ngữ pháp tiếng Việt*,
NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1998, tr. 12)